

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số 01 - CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số 02 - CTQ)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số 03 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số 09 - CTQ)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Ông Huỳnh Văn Thiện Ông Nguyễn Khánh Linh Ông Cung Trần Việt Ông Phạm Gia Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.	
Trụ sở chính	Phòng 2, Lầu 19/F, Tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 62/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 62/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 62/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3083
Ngày 22 tháng 3 năm 2012

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thức hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
100	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		117.215.963.220	135.791.885.790
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.089.964.840	78.363.988.080
111	Tiền mặt tại quỹ		293.653.400	3.176.740.490
112	Tiền gửi ngân hàng		1.704.348.360	4.187.247.590
114	Các khoản tương đương tiền		62.091.963.080	71.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn		44.427.630.200	52.337.253.120
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	64.444.480.260	63.133.169.890
123	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	4(d)	(20.016.850.060)	(10.795.916.770)
130	Các khoản phải thu		8.047.317.230	4.348.765.210
131	Phải thu từ hoạt động đầu tư	5	2.283.915.220	1.104.974.630
132	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	6	1.768.998.210	2.736.857.850
134	Phải thu khác	7	3.994.403.800	506.932.730
150	Tài sản lưu động khác		651.050.950	741.879.380
152	Tài sản lưu động khác	8	651.050.950	741.879.380
200	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		40.024.316.300	41.943.068.160
210	Tài sản cố định		1.567.469.160	1.541.701.500
211	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.449.938.280	1.291.742.000
212	Nguyên giá		4.127.308.550	3.441.289.450
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.677.370.270)	(2.149.547.450)
217	Tài sản cố định vô hình	9(b)	117.530.880	249.959.500
218	Nguyên giá		787.264.850	771.684.540
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(669.733.970)	(521.725.040)
230	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		38.456.847.140	40.401.366.660
	Đầu tư vào công ty con	4(b)	200.000.000	-
231	Đầu tư chứng khoán	4(c)	-	2.406.000.000
232	Đầu tư dài hạn khác	4(c)	39.212.500.000	38.692.500.000
233	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	4(d)	(955.652.860)	(697.133.340)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		157.240.279.520	177.734.953.950

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.434.123.130	8.290.944.785
310	Nợ ngắn hạn		1.609.166.700	7.141.056.365
312	Các khoản phải trả người bán		-	196.350.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	533.879.742	4.457.869.901
314	Phải trả cho nhân viên		588.871.408	1.815.335.474
315	Chi phí trích trước		486.415.550	671.500.990
340	Nợ dài hạn		824.956.430	1.149.888.420
341	Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc		337.250.730	294.088.420
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	855.800.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	154.806.156.390	169.444.009.165
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		154.806.156.390	169.444.009.165
411	Vốn góp của chủ sở hữu	12	150.000.000.000	150.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.391.500.000	1.391.500.000
417	Lợi nhuận chưa phân phối		3.414.656.390	18.052.509.165
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		157.240.279.520	177.734.953.950

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Tại ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
1.	Chứng khoán theo mệnh giá (bằng VNĐ)	68.548.370.000	57.972.950.000
2.	Ngoại tệ		
	Bảng Anh	375	375
	Won Hàn Quốc	492.200	492.200

Phạm Anh Tú

Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ	
01	Doanh thu	14	25.011.931.710	35.187.874.760
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần		25.011.931.710	35.187.874.760
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	15	(11.908.512.884)	(10.305.916.464)
12	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		13.103.418.826	24.881.958.296
13	Doanh thu hoạt động tài chính	16	15.562.750.779	34.382.261.877
14	Chi phí tài chính	17	(22.324.646.259)	(15.112.455.287)
15	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(4.641.603.411)	(5.805.238.786)
16	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		1.699.919.935	38.346.526.100
17	Thu nhập khác		162.227.290	127.034.720
19	Thu nhập khác – số thuần		162.227.290	127.034.720
20	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.862.147.225	38.473.560.820
21	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19	-	(5.348.281.035)
22	Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.862.147.225	33.125.279.785

Phạm Anh Tú

Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2011	31.12.2010
		VNĐ	VNĐ
		Thuyết minh	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	25.242.091.350	41.569.260.800
2	Tiền thu từ phí ủy thác đầu tư	-	661.111.110
3	Tiền ủy thác đầu tư nhận từ khách hàng	-	217.132.599.020
4	Tiền trả cho khách hàng từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	(217.132.599.020)
5	Tiền trả cho khách hàng từ hoạt động tư vấn	737.700.000	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	162.227.290	127.034.720
7	Tiền nộp thuế và các khoản nộp khác cho ngân sách Nhà nước	10	(5.856.830.245)
8	Tiền trả cho nhân viên	(11.375.848.726)	(7.645.027.003)
9	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.914.712.499)	(3.687.580.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		994.627.170	24.395.396.566
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
31	Tiền chi mua sắm tài sản cố định	9	(701.599.410)
32	Tiền chi đầu tư	(63.170.859.092)	(200.665.731.558)
33	Tiền chi cho đầu tư vào công ty con	4(b)	(200.000.000)
34	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư	52.074.367.782	235.637.956.097
35	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư khác	13.229.122.870	10.861.386.985
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.231.032.150	45.523.704.514
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	1.250.000.000
46	Tiền trả cổ tức cho cổ đông	13	(16.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(16.500.000.000)	(40.600.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(14.274.340.680)	29.319.101.080
70	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	78.363.988.080	49.043.051.770
80	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	16	317.440
90	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	64.089.964.840
			78.363.988.080

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, việc chuyển nhượng khoản đầu tư 6,000,000,000 đồng từ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Khôi Nguyên sang Công ty CP E-Study School là giao dịch phi tiền tệ.

Phạm Anh Tú

Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam..

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty quản lý các quỹ đầu tư sau:

	Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	Quỹ đầu tư chứng khoán Y Tế Bản Việt
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ thành viên dạng đóng
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 09/UBCK-TLQTV	Số 08/TB-UBCK
Vốn góp của các thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	768.900.000.000 đồng	492.500.000.000 đồng
Giá trị tài sản ròng	575.017.338.129 đồng	484.520.598.996 đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một công ty con là công ty TNHH Tư Vấn V.C.A.M thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0310794546. Vốn điều lệ ban đầu của công ty con là 200.000.000 đồng được sở hữu hoàn toàn bởi Công ty. Hoạt động chính của công ty con là tư vấn đầu tư, xử lý dữ liệu, dịch vụ hỗ trợ giáo dục, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính và kiểm toán), nghiên cứu thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 28 nhân viên (2010: 26 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 6 người:

Nhân viên	Chức vụ	CCHNCK số	Ngày cấp
Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc	000569/QLQ	1/2/2010
Cung Trần Việt	Giám Đốc Phân tích	000537/QLQ	29/1/2010
Phạm Gia Tuấn	Giám Đốc Điều Hành	00365/QLQ	13/7/2009
Phạm Anh Tú	Giám Đốc Tài Chính	Đang chờ cấp bằng	
Nguyễn Xuân Giao	Giám Đốc Đầu Tư	Đang chờ cấp bằng	
Trương Rin	Chuyên viên đầu tư	00722/QLQ	5/5/2011

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 62/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Các khoản đầu tư

(a) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Tổng Giám đốc quyết định như vậy.

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỷ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.7 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(a) Phân loại (tiếp theo)***Các khoản đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty con là công ty mà trong đó Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền kiểm soát hoạt động

Các khoản đầu tư vào công ty con ban đầu được thể hiện theo giá thực tế mua. Dự phòng được lập khi công ty mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do giao dịch trên thị trường khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") được xác định là giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thu đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%
Tên miền	20%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu dịch vụ

Phí quản lý và phí thường hoạt động được ghi nhận khi được hưởng.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("các Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ trên. Phí này được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của ba phần trăm giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào ngày cuối tháng. Từ tháng 5 năm 2011, phí quản lý được tính bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào cuối tháng theo Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011.

Công ty được hưởng phí thường hoạt động từ mỗi Quỹ trên nếu tổng lợi nhuận trong năm của các Quỹ đó vượt (i) mức tăng tối thiểu giá trị tài sản ròng hàng năm là 12% và (ii) giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập. Trong trường hợp Công ty được hưởng phí thường hoạt động, thì số phí được tính là 20% của chênh lệch giữa tổng lợi nhuận trong năm và mức cao nhất trong hai mức nói trên.

(b) Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi và lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.10 Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

2.11 Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

2.12 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

2.13 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.14 Vốn

Các cổ phiếu phổ thông của Công ty với quyền được nhận cổ tức được phân loại vào vốn chủ sở hữu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng.

2.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

2.17 Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 62/2005/QĐ-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	293.653.400	3.176.740.490
Tiền gửi ngân hàng	1.704.348.360	4.187.247.590
Các khoản tương đương tiền (*)	62.091.963.080	71.000.000.000
	<u>64.089.964.840</u>	<u>78.363.988.080</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá (3) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Nguyên giá 1.1.2011 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Nguyên giá 31.12.2011 VNĐ
Chứng khoán vốn đã niêm yết	52.308.320.290	50.374.859.092	(63.745.548.722)	2.406.000.000	41.343.630.660
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	10.824.849.600	18.276.000.000	(6.000.000.000)	-	23.100.849.600
	<u>63.133.169.890</u>	<u>68.650.859.092</u>	<u>(69.745.548.722)</u>	<u>2.406.000.000</u>	<u>64.444.480.260</u>

(b) Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 12 năm 2011 % nắm giữ	Giá trị (VNĐ)
Công ty TNHH Tư vấn V.C.A.M	100%	200.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một công ty con là công ty TNHH Tư Vấn V.C.A.M thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0310794546. Vốn điều lệ ban đầu của công ty con là 200.000.000 đồng được sở hữu hoàn toàn bởi Công ty.

Công ty không soạn thảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2011 vì công ty con mới thành lập năm 2011 và chưa có giao dịch kinh doanh nào trong năm 2011.

(c) Chứng khoán và đầu tư dài hạn khác

	Nguyên giá 1.1.2010 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Nguyên giá 31.12.2010 VNĐ
<i>Chứng khoán đầu tư</i>	2.406.000.000	-	(2.406.000.000)	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	2.406.000.000	-	(2.406.000.000)	-
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	38.692.500.000	520.000.000	-	39.212.500.000
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	38.692.500.000	520.000.000	-	39.212.500.000
	<u>41.098.500.000</u>	<u>520.000.000</u>	<u>(2.406.000.000)</u>	<u>39.212.500.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

(d) Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2011 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Số dư tại ngày 31.12.2011 VNĐ
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	10.795.916.770	11.679.563.481	(2.458.630.191)	20.016.850.060
Chứng khoán vốn đã niêm yết	7.322.790.660	8.551.766.286	(2.458.630.191)	13.415.926.755
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	3.473.126.110	3.127.797.195	-	6.600.923.305
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	697.133.340	294.366.375	(35.846.855)	955.652.860
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	697.133.340	294.366.375	(35.846.855)	955.652.860
	<u>11.493.050.110</u>	<u>11.973.929.856</u>	<u>(2.494.477.046)</u>	<u>20.972.502.920</u>

5 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải thu từ giao dịch chứng khoán chờ thanh toán	1.217.286.330	-
Cổ tức phải thu	702.240.000	559.516.300
Lãi phải thu	364.388.890	545.458.330
	<u>2.283.915.220</u>	<u>1.104.974.630</u>

6 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý quỹ phải thu (Thuyết minh số 21(b))	<u>1.768.998.210</u>	<u>2.736.857.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tạm ứng cho nhân viên	3.513.738.460	217.359.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 10)	200.000.000	-
Phải trả khác	280.665.340	289.572.900
	<u>3.994.403.800</u>	<u>506.932.730</u>

8 TÀI SẢN LƯU ĐỘNG KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tạm ứng cho nhà cung cấp	27.180.000	121.313.140
Chi phí trả trước	68.446.690	65.141.980
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng	555.424.260	555.424.260
	<u>651.050.950</u>	<u>741.879.380</u>

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.480.519.660	1.960.769.790	3.441.289.450
Mua trong năm	529.237.360	156.781.740	686.019.100
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>2.009.757.020</u>	<u>2.117.551.530</u>	<u>4.127.308.550</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	(505.843.070)	(1.643.704.380)	(2.149.547.450)
Khấu hao trong năm	(349.027.680)	(178.795.140)	(527.822.820)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>(854.870.750)</u>	<u>(1.822.499.520)</u>	<u>(2.677.370.270)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	974.676.590	317.065.410	1.291.742.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>1.154.886.270</u>	<u>295.052.010</u>	<u>1.449.938.280</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Tên miễn VNĐ	Phản mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	300.000.000	471.684.540	771.684.540
Mua trong năm	-	15.580.310	15.580.310
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	300.000.000	487.264.850	787.264.850
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	(135.000.000)	(386.725.040)	(521.725.040)
Khấu hao trong năm	(60.000.000)	(88.008.930)	(148.008.930)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	(195.000.000)	(474.733.970)	(669.733.970)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	165.000.000	84.959.500	249.959.500
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	105.000.000	12.530.880	117.530.880

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2011 VNĐ	Phát sinh VNĐ	Chi trả VNĐ	Tại ngày 31. 12.2011 VNĐ
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.588.866	1.725.294.716	(2.201.003.840)	533.879.742
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	4.545.370	(4.545.370)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.448.281.035	-	(3.648.281.035)	(200.000.000)
	4.457.869.901	1.732.840.086	(5.856.830.245)	333.879.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

11 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Biến động thuế thu nhập hoãn lại như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau
Năm tài chính kết thúc 31.12.2011	Chưa quyết toán	(2.345.021.890)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh sẽ không được ghi nhận khi khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là khó khả thi.

12 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2011 Cổ phiếu phổ thông	2010 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12	15.000.000	15.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác, v.v... Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 và trong năm tài chính kết thúc tại ngày đó.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	14.875.000	148.750.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	125.000	1.250.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	15.000.000	150.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

12 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	148.750.000.000	1.391.500.000	26.777.229.380	176.918.729.380
Phát hành cổ phiếu	1.250.000.000	-	-	1.250.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	33.125.279.785	33.125.279.785
Chia cổ tức	-	-	(41.850.000.000)	(41.850.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	150.000.000.000	1.391.500.000	18.052.509.165	169.444.009.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.862.147.225	1.862.147.225
Chia cổ tức	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	150.000.000.000	1.391.500.000	3.414.656.390	154.806.156.390

14 DOANH THU

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý quỹ	24.274.231.710	34.526.763.650
Phí ủy thác đầu tư	-	661.111.110
Phí tư vấn	737.700.000	-
	25.011.931.710	35.187.874.760

15 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.193.371.215	6.655.125.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.764.162	613.277.724
Chi phí thuê văn phòng	2.530.912.092	1.612.108.380
Phí tư vấn thuế và pháp lý	291.175.314	160.958.010
Các chi phí khác	2.305.290.101	1.264.446.456
	11.908.512.884	10.305.916.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	2.371.656.209	23.449.793.032
Thu nhập cổ tức	4.232.554.500	5.482.790.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	8.958.222.630	5.447.843.615
Lãi đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	317.440	1.835.230
	<u>15.562.750.779</u>	<u>34.382.261.877</u>

17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	12.825.550.819	11.724.516.443
Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.479.452.810	3.360.221.110
Phí ngân hàng	19.642.630	27.717.734
	<u>22.324.646.259</u>	<u>15.112.455.287</u>

18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.570.618.145	3.147.338.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.067.588	408.851.816
Chi phí thuê văn phòng	379.218.978	1.074.738.920
Chi phí kiểm toán và tư vấn	258.285.766	331.345.710
Chi phí khác	345.412.934	842.964.304
	<u>4.641.603.411</u>	<u>5.805.238.786</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

19 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.862.147.225	38.473.560.820
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20%	372.429.445	8.368.590.259
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(846.510.900)	(1.096.558.000)
Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	(63.488)	(367.046)
Chi phí không được khấu trừ	5.140.565	55.506.381
Ưu đãi thuế 50%	-	(1.978.890.559)
Thuế hoãn lại từ lỗ thuế lũy kế không được ghi nhận	469.004.378	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.348.281.035

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 25%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011****20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho ban điều hành và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám Đốc

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư, hoạt động quản lý quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
Chi phí phải trả	486.415.550
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	
Các khoản phải trả người bán	196.350.000
Chi phí phải trả	671.500.990

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2010: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì Giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 6.614.758.114 đồng (2010: 7.419.073.602 đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tài sản tài chính				
Đầu tư ngắn hạn				
- Cổ phiếu niêm yết	41.343.630.660	52.308.320.290	28.284.131.500	45.301.599.200
- Cổ phiếu chưa niêm yết	23.100.849.600	10.824.849.600	Không xác định	Không xác định
Đầu tư dài hạn				
- Cổ phiếu chưa niêm yết	39.212.500.000	41.098.500.000	Không xác định	Không xác định
- Phải thu khác	4.052.913.430	3.841.832.480	4.052.913.430	3.841.832.480
Tiền	64.089.964.840	78.363.988.080	64.089.964.840	78.363.988.080
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả khác	796.415.550	671.500.990	796.415.550	671.500.990

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

21 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	2011		2010	
	Số lượng/%	Nguyên giá VNĐ	Số lượng/%	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (bằng cổ phiếu)	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	60	6.292.500.000	60	6.292.500.000
Đầu tư vào Công ty con V.C.A.M (% nắm giữ)	100	200.000.000	-	-

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu dịch vụ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	13.674.975.200	19.459.128.580
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	10.599.256.510	15.067.635.070
	<u>24.274.231.710</u>	<u>34.526.763.650</u>

ii) Mua dịch vụ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	<u>135.712.147</u>	<u>604.166.673</u>

iii) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và
Tổng Giám đốc

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>3.250.000.000</u>	<u>2.560.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

21 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iv) Doanh thu tài chính

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt	1.644.836.667	-

Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm 2011 của Công ty vào Ngân hàng TMCP Bản Việt là 144.000.000.000 đồng.

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh số 6)		
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	808.952.700	1.529.902.460
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	960.045.510	1.206.955.390
	<u>1.768.998.210</u>	<u>2.736.857.850</u>
Phải thu từ hoạt động đầu tư và phải thu khác		
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Bản Việt	56.000.000.000	-
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Bản Việt	319.666.667	-
Ứng trước cho nhân viên	3.471.067.280	-
	<u>59.790.733.947</u>	<u>-</u>

22 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Dưới 1 năm	740.935.272	2.693.947.872
Từ 1 đến 5 năm	-	673.486.968
	<u>740.935.272</u>	<u>3.367.434.840</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

23 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	2011	2010
Bí trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	25,5%	23,6%
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản (%)	74,5%	76,4%
Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	7,4%	94,1%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu (%)	1,2%	18,6%
Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản (%)	1,5%	4,7%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn (%)	3.982,8%	1.830,3%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu (%)	1,0%	0,9%

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2012.



Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc